TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 12 – 11 – 2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lam

2. Ông Trọng Văn Cắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất *tham gia phiên toà:* Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường A – Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2019, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2019/QĐST – HNGĐ ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H – sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Số nhà 41/5, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh P, sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Số nhà 41/5, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang T - Giám đốc Phòng giao dịch K thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T, Đồng Nai. Vắng mặt

(Theo Quyết định số: 509/QĐ – HĐTV – PC ngày 19/6/2014 của Ngân hàng N).

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1948; địa chỉ cư trú: Ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có mặt

- Ông Trần Thế P, sinh năm: 1960; bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1963; Ông P, bà Y cùng cư trú: Số nhà 241/4, đội 4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ông P, bà Y vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị và anh P là hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán từ năm 2007, đến ngày 22/8/2008 mới đến chính quyền địa phương đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ tháng 10 năm 2018, nguyên nhân do anh P ngoại tình, công khai quan hệ tình cảm nam nữ với người phụ nữ khác. Bản thân chị H và gia đình ngoại đã khuyên nhiều lần nhưng anh P không thay đổi. Cuối năm 2018 anh P vào rẫy ở, thỉnh thoảng mới về nhà một lúc rồi đi ngay, không quan tâm gia đình, con cái thậm chí còn có thái độ thách thức chị H. Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống vợ chồng trên thực tế đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 04 con chung là Lê Trần Hồng P, sinh ngày: 21/7/2008; Lê Thị Thanh T: sinh ngày: 14/02/2011; Lê Thị Bạch T, sinh ngày: 14/8/2012; Lê Trần Huỳnh Đ, sinh ngày: 17/8/2015. Hiện các con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Lê Thị Bạch T, Lê Trần Huỳnh Đ mỗi cháu 3.000.000đ/tháng, không yêu cầu cấp dưỡng đối với các cháu Lê Trần Hồng P, Lê Thị Thanh T. Hiện nay chị bán thịt heo, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000đ, chị buôn bán tự do nên không có gì chứng minh thu nhập.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản:

Quá trình chung sống vợ chồng có các khoản nợ chung gồm:

+ Nợ của Ngân hàng N – chi nhánh Thống Nhất – Phòng giao dịch Kiệm Tân, số tiền 70.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng số 170310/HĐTD ngày 14/3/2017, ký kết giữa Ngân hàng và ông Lê Thanh P.

+ Nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần T theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 403/2018/HĐTD/BHA/01 ký kết ngày 18/6/2018 giữa Ngân hàng và ông Lê Thanh P, bà Trần Thị H. Tuy nhiên đến nay đã được tất toán xong. Anh chị không còn nghĩa vụ gì đối với Ngân hàng.

+ Nợ của bà Nguyễn Thị L số tiền 200.000.000đ theo các giấy biên nhận ngày 03/6/2018 và 01/6/2018.

+ Quá trình chung sống, chị và anh P có nhờ ông Trần Thế P và bà Nguyễn Thị Y (là cha mẹ ruột của chị) mượn của Quỹ tín dụng nhân dân G giúp cho anh chị số tiền 120.000.000đ.

Ý kiến chị H về yêu cầu tòa án giải quyết nghĩa vụ tài sản: Tất cả nghĩa vụ về tài sản nêu trên do không ai yêu cầu anh chị phải thực hiện trong vụ án này, do đó chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Thanh P vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.*

** Quá trình giải quyết vụ án, con chung từ đủ 07 tuổi của chị H, anh P là các cháu Lê Thị Bạch T, Lê Thị Thanh T, Lê Trần Hồng P cùng thống nhất trình bày:* Hiện các cháu đang đến trường theo đúng độ tuổi, các cháu sống với mẹ, các cháu không biết ba đang sống ở đâu. Cuộc sống hàng ngày mẹ các cháu trực tiếp chăm sóc, lo cho các cháu ăn mặc, học hành. Các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

** Theo biên bản xác minh ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị H, anh P, được thực hiện tại nơi cư trú của các đương sự, thể hiện:* Trước đây anh P, chị H chung sống tại địa phương. Tuy nhiên đến nay không còn chung sống. Cụ thể vì nguyên nhân gì, mâu thuẫn giữa chị H, anh P ra sao địa phương không nắm được.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N, do ông Nguyễn Quang T đại diện trình bày:* Ông Lê Thanh P đại diện cho hộ gia đình đã ký kết hợp đồng tín dụng số: 170310/HĐTD ngày 14/3/2017 với Ngân hàng N – chi nhánh Thống Nhất – Phòng giao dịch K để vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, tính từ ngày 14/3/2017. Tính đến ngày 21/8/2019 thì hộ ông P còn nợ số tiền 40.000.000. Do khoản nợ này chưa đến hạn nên Ngân hàng không có yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:* Vào các ngày 01/6/2018 và 03/6/2018 bà có cho anh P mượn tiền làm hai lần, mỗi lần 100.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Khoản nợ vay ngày 01/6/2018 đã đến hạn thanh toán, khoản nợ vay ngày 03/6/2018 chưa đến hạn thanh toán. Tuy nhiên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong vụ án này. Bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế P, bà Nguyễn Thị Y thống nhất trình bày:* Ngày 05/6/2018 ông bà có vay của Quỹ tín dụng nhân dân G số tiền 120.000.000đ và thế chấp đảm bảo bằng tài sản của ông bà. Toàn bộ số tiền trên ông bà vay giúp cho chị H, anh P nên đã giao toàn bộ lại cho chị H, anh P nhưng không lập giấy tờ gì. Ông bà khẳng định sẽ có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân G toàn bộ số tiền trên. Số tiền 120.000.000đ ông bà đã giao cho chị H, anh P thì ông bà không có ý kiến gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; giao bốn con chung cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; không đặt ra

xem xét về chia tài sản và nợ chung do không có ai yêu cầu; Chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Trần Thị H khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Lê Thanh P có nơi cư trú tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị H, anh P không còn nghĩa vụ về tài sản đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần T và Quỹ tín dụng nhân dân G nên Hội đồng xét xử không đưa Ngân hàng thương mại cổ phần T, Quỹ tín dụng nhân dân G tham gia tố tụng trong vụ án này.

[1.3] Bị đơn anh Lê Thanh P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế P, bà Nguyễn Thị Y đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Đại diện hợp pháp của Ngân hàng N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị H, anh P tự nguyện xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2008, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nên xác định hôn nhân giữa chị H và anh P là hợp pháp. Ngày 22/02/2019 chị H làm đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với anh P, tại thời điểm yêu cầu ly hôn thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực. Do đó cần áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm căn cứ xem xét, giải quyết yêu cầu của chị H.

[2.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh P có đến Tòa án nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc bổ sung tư cách người tham gia tố tụng, bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án nhưng không trình bày bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả xác minh, lời khai của chị H đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị H và anh P đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh P không chuyên tâm làm ăn lo cho gia đình. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo yêu cầu anh P giao nộp tài liệu, chứng cứ, triệu tập anh P đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ theo quy định nhưng anh P không đến. Qua đó thể hiện anh P không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị H. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa anh P và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho ly hôn giữa chị H và anh P.

[2.3] Quá trình chung sống chị H và anh P có bốn 04 con chung là Lê Trần Hồng P, sinh ngày: 21/7/2008; Lê Thị Thanh T: sinh ngày: 14/02/2011; Lê Thị Bạch T, sinh ngày: 14/8/2012; Lê Trần Huỳnh Đ, sinh ngày: 17/8/2015. Hiện các con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng đối với cháu Lê Thị Bạch T, Lê Trần Huỳnh Đ mỗi cháu 3.000.000đ/tháng.

[2.3.1] Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng bốn con chung của chị H thì thấy, hiện các cháu đang sống với chị H, được đến trường theo đúng độ tuổi, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án anh P không có ý kiến gì đối với con chung. Do đó việc tiếp tục giao bốn con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, bảo vệ được quyền lợi về mọi mặt của con cũng như phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[2.3.2] Xét yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu Lê Thị Bạch T, sinh ngày: 14/8/2012; Lê Trần Huỳnh Đ, sinh ngày: 17/8/2015, mỗi cháu là 3.000.000đ/tháng thì thấy: Con chung được giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con, theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về mức cấp dưỡng, quá trình giải quyết vụ án anh P không đến Tòa làm việc, chị H cũng không cung cấp được nghề nghiệp, thu nhập của anh P, chị H một mình nuôi dưỡng bốn con chung nên mức cấp dưỡng anh P cần thực hiện cho hai con chung là 1.500.000đ/tháng đối với mỗi cháu là phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị H, buộc anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Lê Thị Bạch T, sinh ngày: 14/8/2012; Lê Trần Huỳnh Đ, sinh ngày: 17/8/2015, mỗi cháu 1.500.000đ/tháng, tính từ tháng 11/2019. Thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện theo quy định pháp luật.

[2.4] Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Chị H là nguyên đơn trong vụ án này nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn; Anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu cấp dưỡng.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83, 84, 110, 116, 118, 119 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", với bị đơn anh Lê Thanh P.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc "Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con" với bị đơn anh Lê Thanh P.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Thanh P.

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao bốn con chung là Lê Trần Hồng P, sinh ngày: 21/7/2008; Lê Thị Thanh T: sinh ngày: 14/02/2011; Lê Thị Bạch T, sinh ngày: 14/8/2012; Lê Trần Huỳnh Đ, sinh ngày: 17/8/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục…

2.2. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị H, anh P được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con…

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Lê Thị Bạch T, sinh ngày: 14/8/2012; Lê Trần Huỳnh Đ, sinh ngày: 17/8/2015 mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng.

Thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được tính từ tháng 11/2019.

Thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chia tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí:

5.1. Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 001699 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

5.2. Anh Lê Thanh P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, bà Nguyễn Thị L được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh P, Ngân hàng N, ông Trần Thế P, bà Nguyễn Thị Y, được tính từ ngày Bản án được cấp, tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CC.THADS H. Thống Nhất;
- UBND xã G 1, H. Thống Nhất (GCNKH số: 74, Quyển số: 01);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Nga